

Bản án số: 109/2024/DS-ST

Ngày: 06-8-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Văn Nam
- Bà Trần Thị Sầm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2024/TLST-DS, ngày 17/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 373/2024/QĐXX – ST, ngày 26/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: 12.14 Chung cư 75A T, phường H, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1999. Địa chỉ cư trú: ấp C, xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1979. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã C, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà D và ông H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/3/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T, lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của bà Nguyễn Thị Kim D có nội dung:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả số tiền mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu:

+ Gốc: 100.000.000 đồng (Trước đây đơn khởi kiện yêu cầu 150.000.000 đồng nhưng ông H đã trả cho bà T được 50.000.000 đồng nên rút yêu cầu đối với số tiền 50.000.000 đồng).

+ Lãi: Mức lãi suất 0.83%/tháng của số tiền gốc 100.000.000 đồng, kể từ ngày 11/10/2023 đến ngày Tòa án xử xong vụ kiện là 8.189.000 đồng.

Lý do yêu cầu: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Nguyễn Văn H có hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi để chăn nuôi heo với hình thức mỗi đợt ông Nguyễn Văn H bán heo sẽ thanh toán. Quá trình giao dịch, hai bên có chốt sổ vào ngày 31/01/2022, ông H còn nợ lại bà T số tiền 150.000.000 đồng. Sau đó, ông H có trả được 50.000.000 đồng (02 lần: vào ngày 10/4/2022 trả 30.000.000 đồng và ngày 10/10/2023 trả được 20.000.000 đồng), sau đó không thanh toán thêm khoản nào, còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng. Đối với số tiền ông H cho rằng chuyển khoản trả 10.000.000 đồng, bà T kiểm tra tài khoản không thấy thông tin chuyển khoản nên không đồng ý khấu trừ vào tiền gốc. Không đồng ý cho trả dần.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T: Ông thừa nhận có mua thức ăn chăn nuôi heo của bà Nguyễn Thị Cẩm T và khi chốt sổ sách còn nợ lại số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay ông chỉ còn thiếu bà T số tiền 90.000.000 đồng vốn. Lý do: Ông đã trả cho bà T được 03 lần với số tiền là 60.000.000 đồng (vào ngày 10/4/2022 trả 30.000.000 đồng; ngày 10/10/2023 trả được 20.000.000 đồng và 01 lần trả 10.000.000 đồng thông qua nhờ cửa hàng bán điện thoại chuyển khoản nhưng không nhớ thời điểm cụ thể nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh). Nay ông chỉ còn thiếu 90.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả số tiền này, xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng. Không đồng ý trả lãi.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như những người tham gia tố tụng nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc ông H trả tiền mua bán tài sản còn thiếu là bà T là 100.000.000 đồng và tính lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 11/10/2023 cho đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; trong đó xác định bà Nguyễn Thị Cẩm T là nguyên đơn (Do bà Nguyễn Thị Cẩm T đại diện theo ủy quyền); Ông Nguyễn Văn H là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Về số tiền mua bán tài sản 100.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông H thừa nhận có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi với bà T và khi chốt sổ vào ngày 31/01/2022 thì còn thiếu bà T số tiền 150.000.000 đồng, có ký tên vào "Biên bản xác nhận nợ" và "Phiếu thu tiền" đề ngày 31/01/2022. Sau đó, vào ngày 10/4/2022 ông H đã trả 30.000.000 đồng và ngày 10/10/2023 ông H trả được 20.000.000 đồng, tổng cộng đã trả cho bà T là 50.000.000 đồng. Các nội dung này đều được đại diện của bà T và ông H thừa nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận nên bà T và ông H không cần phải chứng minh.

Đối với lời trình bày của ông H về việc trả cho bà T thêm 10.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu 90.000.000 đồng, bà T không thừa nhận số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù Tòa án đã cho ông H thời gian cung cấp chứng cứ chứng minh nhưng ông H không cung cấp được nên không đủ căn cứ xác định ông H đã trả thêm được 10.000.000 đồng. Đủ căn cứ xác định số tiền ông H hiện nay còn thiếu bà T là 100.000.000 đồng.

Do ông H vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên bà T khởi kiện, đủ căn cứ buộc ông H trả số tiền còn thiếu là 100.000.000 đồng cho bà T theo quy định tại Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.2. Đối với việc bà T yêu cầu tính mức lãi suất 0.83%/tháng của số tiền gốc 100.000.000 đồng, kể từ ngày 11/10/2023 đến ngày Tòa án xử, xét thấy:

Do ông H vi phạm thỏa thuận về thời gian trả tiền nên buộc phải thực nghĩa vụ trả lãi chậm trả theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015. Khi thực hiện mua bán tài sản cũng như chốt nợ, các bên không có thỏa thuận về tiền lãi nên sẽ căn cứ vào mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết. Xét mức lãi suất và thời gian yêu cầu trả lãi quá hạn của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể: Tính lãi quá hạn từ ngày 11/10/2023 đến ngày 06/8/2024, là: 100.000.000 đồng (gốc) x 09 tháng 26 ngày x 0.83%/tháng = 8.189.000 đồng. Không yêu cầu khoản lãi nào khác, không xem xét.

Như vậy, tổng cộng tiền vốn và lãi mà bà T yêu cầu được chấp nhận là: 108.189.000 đồng.

Đối với tiền lãi của số tiền phải trả trong giai đoạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Đối với việc ông H đề nghị xin trả dần mỗi năm 20.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án của người phải thi hành án đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho người được thi hành án, nội dung này thuộc giai đoạn thi hành án. Phía người đại diện của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để ghi nhận nội dung này trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là ông H trả số tiền còn thiếu, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án, thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Tại phiên toà, phía bà T rút 01 phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ phần rút yêu cầu.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm T về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả tiền mua bán tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm T số tiền mua bán tài sản còn thiếu là: 108.189.000 đồng (Một trăm lẻ tám triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trong đó:

- Vốn: 100.000.000 đồng.

- Lãi chậm trả (Từ ngày 11/10/2023 đến ngày 06/8/2024): 8.189.000 đồng.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị Cẩm T với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) do rút yêu cầu.

Không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch (đối với nghĩa vụ trả tiền): 5.409.400 đồng (Năm triệu bốn trăm lẻ chín nghìn bốn trăm đồng), ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ chịu.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 4.528.000 đồng (Bốn triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002098 ngày 14/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam cho bà Nguyễn Thị Cẩm T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân

sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng